**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HS-ST
Ngày: 08-5-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Sỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2025/TLST- HS ngày 28 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

***Nguyễn Văn T, sinh năm 1971***; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ dân phố Hùng Lãm 1, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông: Nguyễn Văn Dùng (đã chết); Con bà: Trần Thị Chắt; Gia đình có bảy anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Vợ: Trần Thị Hiên; Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2009 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử 07 năm 06 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong án phạt tù ngày 30/8/2014; chấp hành xong án phí, hình phạt bổ sung ngày 22/4/2010; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 23/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện tại ngoại (có mặt).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Anh Đồng Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hùng Lãm 1, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ*

*án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Nguyễn Văn T và anh Đồng Văn T quen biết nhau từ năm 2022. Khoảng đầu tháng 5/2023, do cần tiền để kinh doanh, anh T đã hỏi và đồng ý vay của Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay thỏa T là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tức là 108%/năm), trả lãi hàng tháng khi đủ 30 ngày, thời hạn trả nợ gốc là 02 tháng. Ngày 10/5/2023, T đưa cho anh T vay số tiền mặt 30.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền. Ngày 09/8/2023, T tiếp tục dùng điện thoại di động Iphone 13 Promax cài đặt tài khoản Ngân hàng  chuyển tiền từ tài khoản số 0731000887334 Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (viết tắt là Vietcombank) mang tên Nguyễn Văn T đến số tài khoản 33334455667788 Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (viết tắt là Techcombank) mang tên anh Đồng Văn T số tiền 70.000.000 đồng để cho anh T vay. Sau khi cho vay đủ số tiền 100.000.000 đồng, T bắt đầu tính lãi suất từ tháng 9/2023; đối với khoản vay này anh T phải trả tiền lãi 9.000.000 đồng/01 tháng. Ngày 22/8/2023, anh T tiếp tục vay T số tiền 50.000.000 đồng cũng với lãi suất vay như trên, thời hạn trả nợ gốc là 01 tháng. T dùng điện thoại di động Iphone 13 Promax cài đặt tài khoản Ngân hàng  chuyển tiền từ số tài khoản số 0731000887334 Ngân hàng Vietcombank đến tài khoản số 33334455667788 Ngân hàng Techcombank cho anh T vay số tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền; đối với khoản tiền vay này, anh T phải trả tiền lãi 4.500.000 đồng/ 01 tháng. Tổng số tiền anh T đã vay T là 150.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền đều được thực hiện tại nơi làm việc của Nguyễn Văn T, ở tổ dân phố Hùng Lãm 1, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vay đủ số tiền trên, anh T bắt đầu trả tiền lãi vay hàng tháng cho T bắt đầu từ tháng 9/2023 bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 33334455667788 Ngân hàng Techcombank mang tên anh Đồng Văn T đến tài khoản số 0731000887334 Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn T.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, T được thu số tiền lãi tối đa cho các khoản vay của anh T là 150.000.000 đồng x 20%/1 năm, tương đương với số tiền lãi theo tháng là 2.500.000 đồng/1 tháng (trong đó đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì lãi suất theo quy định của nhà nước tối đa là 1.667.000 đồng/01 tháng; đối với khoản vay 50.000.000 đồng thì lãi suất tối đa là 833.000 đồng/01 tháng). Tuy nhiên, anh T đã phải trả cho T số tiền lãi là 108%/01 năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất tối đa được quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Tháng 9/2023, anh T đã trả T số tiền lãi 9.000.000 đồng cho khoản vay 100.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng - 1.667.000 đồng = 7.333.000 đồng).

Tháng 10/2023, anh T đã trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 11/2023, anh T đã trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 12/2023, anh T đã trả T số tiền lãi 9.000.000 đồng cho khoản vay 100.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng - 1.667.000 đồng = 7.333.000 đồng).

Tháng 01/2024, anh T đã trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 02/2024, anh T đã trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 3/2024, anh T đã trả T số tiền lãi 9.000.000 đồng cho khoản vay 100.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng - 1.667.000 đồng = 7.333.000 đồng).

Tháng 4/2024, anh T trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 5/2024, anh T trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 6/2024, anh T trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 7/2024, anh T trả T số tiền lãi 13.000.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.000.000 đồng - 2.500.000 đồng = 10.500.000 đồng).

Tháng 8/2024, anh T trả T số tiền lãi 12.000.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng - 2.500.000 đồng = 9.500.000 đồng).

Tháng 9/2024, anh T trả T số tiền lãi 13.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (số tiền T thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng).

Tháng 11/2024, anh T trả T số tiền lãi 2.500.000 đồng cho tổng số tiền vay 150.000.000 đồng (không có tiền thu lợi bất chính).

Tổng số tiền lãi vay anh T đã trả cho T là 162.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Văn T là 129.999.000 đồng.

Ngày 14/12/2024, anh Đồng Văn T có đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã Việt Yên về việc Nguyễn Văn T đang có hành vi cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự. Anh T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra tài liệu thể hiện lịch sử giao dịch chuyển khoản Ngân hàng về số tiền lãi suất giữa anh T và Nguyễn Văn T.

Cùng ngày 14/12/2024, Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Việt Yên đầu thú về hành vi phạm tội và giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, 01 giấy vay tiền đề ngày 09/8/2023 có nội dung anh T vay T số tiền 70.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Nguyễn Văn T tại chợ Đình Trám, thuộc địa phận tổ dân phố Hùng Lãm 1, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên (T làm bảo vệ ở chợ Đình Trám), kết quả thu giữ: 01 giấy vay tiền đề ngày 10/5/2023, có nội dung anh T vay T số tiền 30.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax do T giao nộp; kết quả trong điện thoại có lưu số điện thoại của anh T và cài đặt phần mềm Ngân hàng Vietcombank mang tên T.

Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu lịch sử giao dịch chuyển khoản từ số tài khoản 33334455667788 Ngân hàng Techcombank mang tên anh Đồng Văn T đến số tài khoản 0731000887334 Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn T thời điểm từ ngày 01/9/2023 đến ngày 24/12/2024; kết quả kiểm tra có các nội dung về số tiền và thời gian chuyển khoản giao dịch giữa các số tài khoản Ngân hàng của T và T như nêu trên.

Quá trình điều tra, anh T khai ngoài số tiền lãi trả bằng chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng còn trả lãi bằng tiền mặt cho T, không viết giấy tờ về nội dung trả tiền và hàng tháng đều trả đủ tiền lãi, nhưng Nguyễn Văn T không thừa nhận việc nhận tiền lãi bằng tiền mặt; Cơ quan điều tra tiến hành cho T và anh T đối chất với nhau nhưng T vẫn không thừa nhận. Do đó, không có căn chứng minh anh T trả lãi tiền vay cho T bằng tiền mặt.

Tại Bản cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 25/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm tù đến 01 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai nhận về T bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; Diều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2024, tại tổ dân phố Hùng Lãm 1, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; bị cáo Nguyễn Văn T đã cho anh Đồng Văn T vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất vay 3000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương 108%/năm, cao gấp 5,4 lần so với lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, yêu cầu trả tiền lãi khoản tiền vay từ tháng 9/2023. Từ tháng 09/2023 đến tháng 11/2024, anh T đã sử dụng tài khoản số 33334455667788 Ngân hàng Techcombank mang tên anh Đồng Văn T chuyển trả tiền lãi suất vay hàng tháng đối với khoản tiền vay lãi nặng trên cho Nguyễn Văn T qua số tài khoản 0731000887334 Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn T với tổng số tiền là 162.500.000 đồng, trong đó số tiền T thu lời bất chính là 129.999.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do có động cơ tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả; bố mẹ đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng (năm 1986 ông Nguyễn Văn Dùng- bố đẻ được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, năm 1999 bà Trần Thị Chắt- mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo năm 2009 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử 07 năm 06 tháng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù ngày 30/8/2014; chấp hành xong án phí, hình phạt bổ sung 5.000.000 đồng ngày 22/4/2010.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo T có nhân thân xấu năm 2009 đã từng bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì tính đến ngày phạm tội lần này của bị cáo T đã được xóa án tích, xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi việc làm của mình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định

tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, xét thấy theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, T đã trả lại anh T số tiền thu lợi bất chính 129.999.000 đồng, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax là tài sản của T sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng bị cáo T cho T vay: Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 150.000.000 đồng anh T xác định chưa trả cho bị cáo T, số tiền này hiện nay anh T đang quản lý, số tiền 150.000.000 đồng là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần buộc anh T phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền lãi 32.501.000 đồng mà anh T đã trả cho bị cáo T là số tiền T thu được từ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần truy số tiền này của bị cáo T để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

[1] Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[2] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- Buộc anh Đồng Văn T phải nộp lại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng) là số tiền gốc vay của bị cáo T để sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax của bị cáo T

* Truy thu của bị cáo T só tiền 32.501.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm linh một nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT (Công an tỉnh Bắc Giang);

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**